

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH HÓA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 25-01-2022

V/v “Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÓA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Thái.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Bé.

2. Ông Võ Thành Trung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Vĩnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An.

Trong ngày 25 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 148/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Xóm 11, xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh.

(Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Xuân B**, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Ấp 1, xã T, huyện T, tỉnh Long An.

(Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện, ý kiến của nguyên đơn – bà Nguyễn Thị N: Bà N và ông Nguyễn Xuân B tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An vào ngày 24/6/2019. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy nhiên được khoảng 03 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do bất đồng quan điểm sống và cá tính nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, tình cảm vợ chồng không còn

hạnh phúc, đã sống ly thân từ tháng 07 năm 2020 đến nay. Bà N nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng không còn khả năng hàn gắn được, bà Nguyệt không còn tình cảm vợ chồng với ông B, vợ chồng đã ly thân nên yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Bà N yêu cầu được ly hôn với ông B.
- Về con chung: Bà N với ông B không có con chung.
- Về tài sản chung, nợ chung: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Yêu cầu, ý kiến của bị đơn – ông Nguyễn Xuân B: Ông B thống nhất quá trình kết hôn, sống chung, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng như bà N khai. Do đó, ông B có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: Ông B đồng ý ly hôn với bà N.
- Về con chung: Ông B với bà N không có con chung.
- Về tài sản chung, nợ chung: Ông B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với ông Nguyễn Xuân B. Ông B cư trú tại Ấp 1, xã T, huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An nên thuộc thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà N và ông B có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 30/2019, đăng ký ngày 24/6/2019 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An cấp nên hôn nhân giữa bà N và ông B là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] Về việc xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Xuân B: Bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Xuân B đều có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt và giữ nguyên ý kiến, yêu cầu.

Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Xuân B là phù hợp quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về giải quyết yêu cầu ly hôn của bà N và ông B: Bà N khai nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống và cá tính, mâu thuẫn vợ chồng đã rất trầm trọng, đã sống ly thân nên không thể hàn gắn được. Bà N không còn tình cảm vợ chồng với ông B nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Ông B xác định tình trạng mâu thuẫn vợ chồng như bà N khai nên ông đồng ý ly hôn với bà N.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa bà N và ông B đã có mâu thuẫn đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Bà N và ông B đều khai không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Bà N và ông B đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Nguyễn Xuân B không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39; khoản 2, khoản 4 Điều 147; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N được ly hôn ông Nguyễn Xuân B.
2. Về con chung: Bà N và ông B đều khai không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.
3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà N và ông B đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị N phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nộp ngân sách Nhà nước. Được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0048890 ngày 05 tháng 11 năm 2020 của Chi

cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Long An. Bà Nguyễn Thị N đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Ông Nguyễn Xuân B không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Xuân B có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Thạnh Hóa;
- Chi cục THADS TP. Dĩ An, tỉnh Bình Dương;
- UBND xã Tân Hiệp, huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An (*để ghi vào Sổ hộ tịch*);
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Thái